

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 10 -2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Trần Đăng Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Quách Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25- 10 - 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Hải T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố B, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Lê Hải T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn vào ngày 07- 5 -2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc hơn một

năm. Vì hoàn cảnh khó khăn nên cả hai vào Miền Nam làm ăn, đến tháng 6/2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Nguyễn Thị B tự ý đem con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường K, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh sinh sống, mặc dù anh đã nhiều lần khuyên bảo chị B trở về cùng anh chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị B không về, Do điều kiện công việc làm ăn nên anh T đành phải ở lại Miền Nam một mình để trông nom nương rẫy nên không thường xuyên về quê. Từ tháng 6 năm 2016 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, nay anh thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị B; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Hải H, sinh ngày 27 - 5 -2015, hiện nay đang ở với chị B, khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì anh có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con trưởng thành, còn chị B hiện tại chưa có việc làm, thường xuyên gửi con cho bố mẹ đẻ chăm sóc. Về tài sản và các khoản nợ: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày như sau:

Chị và anh Lê Hải T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp, vợ chồng có một đứa con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ như lời trình bày của anh Lê Hải T là đúng. Vợ chồng sống chung được với nhau được thời gian hơn một năm thì phát sinh một số xích mích, mâu thuẫn, nguyên nhân do trong lúc chị đang nuôi con nhỏ, anh T không quan tâm vợ con mà suốt ngày chơi bời với bạn bè, nên chị phải đem con về quê để nhờ bên ngoại chăm sóc giúp đỡ hai bên sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Tại phiên tòa, cũng như quá trình hòa giải chị B thừa nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh Lê Hải T; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Hải H, sinh ngày 27 - 5 -2015, hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị đã có công việc và thu nhập ổn định. Về tài sản và các khoản nợ: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ một phần các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn vắng mặt một lần trong các phiên hòa giải tại Tòa án.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thương yêu lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hải T và chị Nguyễn Thị B; Về con chung: Đề nghị giao con chung cháu Lê Hải H, sinh ngày 27- 5 - 2015 cho chị Nguyễn Thị B được nuôi dưỡng vì cháu hiện còn nhỏ, từ trước tới nay đang ở với chị B. Do chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh Lê Hải T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lê Hải T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị B và hiện nay chị Nguyễn Thị B có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại Tổ dân phố B, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân:

Anh Lê Hải T và chị Nguyễn Thị B kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh T và chị B đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Anh T cho rằng chị B không có trách nhiệm với gia đình, tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Chị B tuy nói rằng mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng lại không thể hiện tình cảm và trách nhiệm của mình đối với anh T để hàn gắn tình cảm gia đình. Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên phiên tòa, anh T và chị B đều thừa nhận tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, vợ chồng không yêu thương, quan tâm chăm sóc gì nhau nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Qua đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Hải Tòng và chị Nguyễn Thị B.

[3]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Hải H, sinh ngày 27-5-2015 và hiện đang ở với chị B. Xét thấy cháu Lê Hải H hiện đang còn nhỏ, từ lúc sinh ra đến nay sinh sống với mẹ, hiện nay chị B có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dạy con cái, nên cần phải giao cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Lê Hải T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hải T và chị Nguyễn Thị B.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Lê Hải H, sinh ngày 27-5-2015 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lê Hải H thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị B về không yêu cầu anh Lê Hải T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 của Luật hôn nhân và

gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Anh Lê Hải T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006780 ngày 10-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kỳ Anh ;
- Chi cục THADS T.X Kỳ Anh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Kỳ Thịnh, TX Kỳ Anh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP;

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Tân

